

BIỂU PHÍ

PHẦN 1 - TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM THUẦN CHO BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

STT	Loại/dòng xe ô tô	Dưới 3 năm	Từ 3 năm tới dưới 6 năm	Từ 6 năm tới dưới 10 năm	Từ 10 năm
I Xe chở hàng					
1	Rơ moóc	0.66%	0.77%	0.88%	1.10%
2	Xe kinh doanh vận tải hàng hóa; Xe tải trên 10 tấn	1.21%	1.32%	1.43%	1.54%
3	Xe đầu kéo; Xe đông lạnh trên 3.5 tấn; Xe tải hoạt động trong vùng khai thác khoáng sản	1.65%	1.76%	1.87%	2.09%
4	Xe chở hàng còn lại	0.99%	1.10%	1.21%	1.32%
II Xe chở người					
1	Xe không kinh doanh; Xe bus; Xe tập lái; Xe hoạt động trong nội bộ cảng, khu công nghiệp, sân bay	0.99%	1.10%	1.21%	1.32%
2	Xe kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	1.32%	1.43%	1.54%	1.65%
3	Taxi, xe cho thuê tự lái	1.76%	1.87%	1.98%	2.09%
4	Xe kinh doanh chở người còn lại	1.10%	1.21%	1.32%	1.43%
III Xe vừa chở người vừa chở hàng					
1	Xe bán tải (Pick-up)	1.21%	1.32%	1.43%	1.54%
2	Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại	0.99%	1.10%	1.21%	1.32%

SECTION 2 - BẢO HIỂM TAI NẠN CHO LÁI XE, PHỤ LÁI VÀ HÀNH KHÁCH

Phí bảo hiểm năm/chỗ ngồi (chưa gồm thuế VAT) = Số tiền bảo hiểm/chỗ ngồi x 0.12%

SECTION 3 - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI CHỦ XE CƠ GIỚI

STT.	Loại xe	Giới hạn trách nhiệm	
1	Xe máy	Từ 50cc trở xuống	Từ \$14 đến \$56
		Trên 50cc	Từ \$18 đến \$77
2	Xe ba bánh, xe có thùng bên và xe gắn máy		Từ \$33 đến \$135
		Tối đa 05 chỗ ngồi	Từ \$89 đến \$412

3	Xe cơ giới dùng cho mục đích không kinh doanh	Từ 06 chỗ ngồi đến 15 chỗ ngồi	Từ \$158 đến \$69
		Từ 16 chỗ ngồi đến 24 chỗ ngồi	Từ \$327 đến \$15
		Trên 24 chỗ ngồi	Từ \$414 đến \$18
		Xe chở khách và hàng hóa	Từ \$200 đến \$93
4	Xe tải có G.V.W, Xe chở hàng	Dưới 3 tấn	Từ \$200 đến \$93
		Trên 3 tấn đến 8 tấn	Từ \$330 đến \$15
		Trên 8 tấn đến 15 tấn	Từ \$414 đến \$18
		Trên 15 tấn	Từ \$500 đến \$21
5	Xe có thiết bị chuyên dụng để nâng, bốc xếp, vệ sinh đường phố, trộn bê tông và bồn chứa	20% phí bảo hiểm áp dụng cho xe tải có cùng G.V.W	
6	Rơ moóc - máy kéo	130% của xe vượt quá 15 tấn	

LƯU Ý QUAN TRỌNG:

Biểu phí bảo hiểm trên chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi dựa trên:

- Thông tin bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin xe, hiệu suất tổn thất).
- Phạm vi bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền lợi, điều khoản mở rộng, điều khoản loại trừ, giới hạn trách nhiệm, điều kiện áp dụng đặc biệt, v.v.) sau khi thảo luận và thỏa thuận với Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).

Để có báo giá chính xác, vui lòng liên hệ Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).